

An Giang, ngày 12 tháng 02 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống chậm. Mức nước cao nhất phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-15cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước xuống chậm, mức nước cao nhất ngày 11/02 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-15cm, cao hơn TBNN từ 10-20cm. Mức nước thấp nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-35cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 11/02 phổ biến ở mức xấp xỉ đến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước xuống chậm, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mức nước trên các sông, kênh xuống chậm trong 2-3 ngày đầu, sau lên chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mức nước xuống chậm trong 2-3 ngày đầu, sau lên chậm.
- Khu vực nội đồng TGLX: mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch có xu thế xuống chậm.
- Vùng cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé biến đổi chậm. Đỉnh triều tại các trạm trong 5 ngày tới ở mức dưới BĐI.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 13/02/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin


Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	11/02		10/02						12/02	13/02	14/02	15/02	16/02
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	123	-8	▼	-5	▼	-2	▼	117	113	110	107	127
					Hmin	7	-10	▼	33	▲	-22	▼	0	-6	-10	-13	-8
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	130	-9	▼	-12	▼	11	▲	127	123	120	117	137
					Hmin	-2	-10	▼	35	▲	0	◀▶	-7	-11	-14	-16	-11
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	118	-5	▼	-6	▼	-5	▼	113	109	106	103	123
					Hmin	37	-14	▼	10	▲	-17	▼	32	28	25	23	28
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	137	-10	▼	-14	▼	8	▲	131	127	124	121	141
					Hmin	5	-12	▼	27	▲	-15	▼	-2	-8	-13	-17	-12
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	146	-6	▼	-14	▼	21	▲	142	138	135	132	152
					Hmin	1	-14	▼	34	▲	17	▲	-6	-12	-16	-18	-12
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	135	-8	▼	-8	▼	9	▲	132	128	125	122	142
					Hmin	0	-12	▼	35	▲	-6	▼	-6	-11	-15	-17	-12
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	42	-5	▼	-7	▼	-4	▼	40	38	36	34	39
					Hmin	13	-8	▼	1	▲	-9	▼	11	8	6	4	6
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	32	-5	▼	-1	▼	1	▲	30	29	28	27	26
					Hmin	21	-5	▼	-2	▼	-6	▼	19	17	15	14	13
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	39	-6	▼	3	▲	-6	▼	35	34	33	32	31
					Hmin	29	-6	▼	-2	▼	-8	▼	27	25	23	22	21
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	40	-6	▼	2	▲	-2	▼	37	36	35	34	33
					Hmin	30	-6	▼	-3	▼	-4	▼	28	26	24	23	22
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	48	-6	▼	0	◀▶	0	◀▶	45	43	42	41	40
					Hmin	38	-6	▼	-1	▼	-1	▼	36	34	32	31	30
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	53	-2	▼	-8	▼	6	▲	51	49	47	45	50
					Hmin	18	-8	▼	-4	▼	-5	▼	16	13	11	9	11
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	64	-3	▼	-7	▼	19	▲	62	60	58	56	54
					Hmin	41	-10	▼	-5	▼	7	▲	39	37	35	33	31
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	53	-4	▼	-5	▼	0	◀▶	51	49	47	45	43
					Hmin	38	-6	▼	-7	▼	-3	▼	36	34	32	30	28
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	31	-5	▼	-5	▼	5	▲	30	29	28	27	25
					Hmin	20	-5	▼	-1	▼	2	▲	19	18	17	16	14
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	82	-2	▼	-3	▼	22	▲	80	78	76	74	79
					Hmin	55	-8	▼	-4	▼	12	▲	51	48	46	44	46
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	108	-4	▼	-10	▼	21	▲	106	104	102	100	105
					Hmin	53	-13	▼	-2	▼	2	▲	49	46	44	42	44
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	76	-2	▼	-11	▼	5	▲	75	74	73	72	70
					Hmin	53	0	◀▶	0	◀▶	3	▲	52	51	50	49	51

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	64	-3	▼	-8	▼	3	▲	63	62	61	60	58
					Hmin	40	-8	▼	-11	▼	-4	▼	39	38	37	36	34
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	50	-4	▼	-6	▼	9	▲	49	48	47	46	44
					Hmin	31	-5	▼	-9	▼	9	▲	30	29	28	27	25
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	30	-5	▼	-7	▼	-5	▼	30	31	32	33	34
					Hmin	0	-4	▼	-23	▼	15	▲	-2	-4	-6	-7	-5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	48	-25	▼	-25	▼	5	▲	50	52	54	55	56
					Hmin	-29	-22	▼	-4	▼	2	▲	-30	-31	-32	-33	-28

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





